

BÁO CÁO

Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập Kế hoạch tài chính 05 năm và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Kế hoạch tài chính 05 năm và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Thông tư số: 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023 như sau:

I. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020:

1. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2020.

Năm 2020, tổng sản phẩm trong tỉnh (theo giá so sánh 2010) tăng 6,3% so với năm 2019; trong đó: Nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 5,91%, công nghiệp - xây dựng tăng 6,66%, dịch vụ tăng 6,6%, thuế sản phẩm tăng 3,88%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp, trong đó nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 36,01%, công nghiệp - xây dựng chiếm 27,57%, dịch vụ chiếm 33,28%, thuế sản phẩm 3,14%. GRDP bình quân đầu người đạt 51,9 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính - ngân sách nhà nước năm 2020.

2.1. Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Trong năm 2020, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 4.570 tỷ đồng, tăng 1,47% so với dự toán năm 2019. Dự toán được HĐND tỉnh thông qua là 5.200 tỷ đồng.

Ước thực hiện 2020 là 4.628,4 tỷ đồng, đạt 101,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 89% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

a) Thu nội địa NSNN: Ước thực hiện 4.621 tỷ đồng, đạt 101,8% dự toán Trung ương giao, 89,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,4% so với cùng kỳ, gồm:

- Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 1.000 tỷ đồng, đạt 200% dự toán Trung ương giao, đạt 92,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21,1% so cùng kỳ..

- Thu tiền xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 120 tỷ đồng, đạt 85,7% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 22,1% so với cùng kỳ.

- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế ước thực hiện 0,3 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa NSNN (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu xổ số kiến thiết*): Ước thực hiện 3.501 tỷ đồng, đạt 89,8% dự toán Trung ương giao, 88,6% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1% so với năm trước.

+ Có 05/13 khoản thu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao: (1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 102,4%, tăng 4,3% so với cùng kỳ; (2) Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 147,8%, tăng 28,4% so với cùng kỳ; (3) Thuế bảo vệ môi trường đạt 100%, tăng 8% so với cùng kỳ; (4) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước đạt 261%, tăng 129,8% so với cùng kỳ (5) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện đạt 215,4%, tăng 110,7% so với cùng kỳ.

+ Có 08/13 khoản thu không đạt dự toán HĐND tỉnh giao: (1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt 76% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14,3% so với cùng kỳ; (2) Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 83% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 3,3% so với cùng kỳ; (3) Lệ phí trước bạ đạt 66,7%, giảm 22,9% so với cùng kỳ; (4) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 93,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,7% so cùng kỳ; (5) Thuế thu nhập cá nhân đạt 84,6%, tăng 1,3% so với cùng kỳ; (6) Thu phí, lệ phí đạt 95,8%, tăng 0,1% so cùng kỳ; (7) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 89,6%, giảm 22,8% so với cùng kỳ; (8) Thu khác cân đối ngân sách đạt 85,2%, giảm 4% so cùng kỳ.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước thực hiện 7,4 tỷ đồng chỉ đạt 24,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao và giảm 76% so với cùng kỳ.

2.2. Tình hình thực hiện chi NSĐP:

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSĐP năm 2020, đảm bảo tiết kiệm, phát huy hiệu quả kinh phí; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Đảm bảo nguồn kinh phí để phòng, chống dịch, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động điều hành chi ngân sách địa phương chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng; rà soát cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác phí với số tiền 13.878 triệu đồng và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại năm 2020 là 88.467,3 triệu đồng.

Ước thực hiện cả năm 2020 là 14.263,2 tỷ đồng, bằng 110,4% so với dự toán Trung ương giao, đạt 104,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn cân đối NSDP: Ước thực hiện cả năm là 2.964,4 tỷ đồng, bằng 191,7% so với dự toán Trung ương giao, đạt 138,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,8% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện cả năm là 8.479,9 tỷ đồng, bằng 97,9% so với dự toán Trung ương giao, đạt 100,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,9% so với cùng kỳ.

Năm 2020 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 225 tỷ đồng (gồm: ngân sách cấp tỉnh là 107,3 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là 117,6 tỷ đồng).

- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu nhiệm vụ do NSTW bổ sung: Ước thực hiện cả năm là 2.816,7 tỷ đồng, đạt 112,3% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 135,4% so với cùng kỳ.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020:

a) Về thu NSNN trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2018-2020 là 13.685,7 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 2,8%/năm, gồm:

- Tổng thu nội địa là 13.576 tỷ đồng; tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 4,3%/năm.

- Tổng thu từ xuất nhập khẩu là 109,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,8% tổng thu NSNN trên địa bàn.

b) Về tỷ lệ đảm bảo tự cân đối ngân sách:

Mức thu ngân sách tự đảm bảo theo số trung ương giao dự toán đầu năm tăng dần qua các năm, thực hiện chính sách cải cách tiền lương, mức lương cơ sở được nâng dần qua các năm và thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội nên tổng chi cân đối NSDP hàng năm tăng: Năm 2017 đảm bảo cân đối 32,6%, đến năm 2020 tỷ lệ đảm bảo cân đối 38,2%.

c) Về chi NSDP:

Tổng chi NSDP 03 năm 2018-2020 ước thực hiện 44.196,6 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 7,48%/năm, trong đó:

- Tổng chi đầu tư phát triển là 11.031,6 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 23,7%/năm, chiếm tỷ trọng 24,9%.

- Tổng chi thường xuyên là 27.209,2 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 8,8%/năm.

d) Về cơ cấu chi NSDP:

Chi đầu tư phát triển thực hiện tăng dần qua các năm và chiếm tỷ trọng ngày càng tăng so tổng chi NSDP¹: Năm 2017 chiếm 19,2% trên tổng chi, đến năm 2020 chiếm 29,4% trên tổng chi.

¹ Không kể chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính; chi trả nợ lãi vay; chi chuyển nguồn sang năm sau.

II. Dự kiến Kế hoạch Tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương 2021-2023.

1. Mục tiêu:

- Phân đầu thực hiện các nhiệm vụ thu - chi, cân đối ngân sách cho giai đoạn 2021-2023, đồng thời hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI.

- Đảm bảo cơ cấu cân đối hợp lý về chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; không ban hành chế độ chính sách của địa phương làm tăng chi khi chưa cân đối được nguồn kinh phí đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện;

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công; cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực, tập trung đảm bảo cho các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, các chính sách an sinh xã hội, chi ban hành các chủ trương, chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và cân đối được nguồn kinh phí.

2. Dự báo những tác động đến thu, chi NSDP.

2.1. Về thu NSNN trên địa bàn.

Theo dự báo tình hình tỉnh Gia Lai trong những năm đến sẽ có những thời cơ, thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội như: Có vị trí quan trọng trên tuyến hành lang Đông - Tây; có sân bay, cửa khẩu quốc tế và là địa phương có diện tích lớn thứ 2 cả nước, đất đai, khí hậu thuận lợi, dân số khá đông,.... Tuy nhiên, địa phương vẫn đang đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ, như: Quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế còn thấp, đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng trong những năm đến, đòi hỏi phải thực hiện mục tiêu kép vừa đẩy lùi dịch bệnh vừa phát triển kinh tế; chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng còn khá lớn, an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Trên cơ sở thành công của việc xúc tiến kêu gọi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, đẩy mạnh liên kết để phát huy tối đa công suất các nhà máy chế biến, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả xúc tiến, thu hút đầu tư nhất là các dự án năng lượng tái tạo tạo nguồn thu mới: Dự kiến trường hợp các dự án điện gió đang trình được Chính phủ, Bộ Công Thương phê duyệt sớm và các nhà đầu tư triển khai thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch thì dự kiến phát sinh thêm nhiều nguồn thu NSDP mới.

Việc thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm tạo ra quỹ đất sạch phục vụ công tác kêu gọi đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực sự có năng lực để xây dựng dự án nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo lập nguồn thu từ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là chủ yếu, là bước đi cần thiết để điều chỉnh cơ cấu nguồn thu theo hướng tích cực, bền vững.

2.2. Về chi NSDP.

Gia Lai là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn thứ 2 cả nước; dân số lớn, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,2%, chủ yếu là dân tộc Jrai và Bahnar. Dân cư phân bố rộng, đối tượng chính sách nhiều, do đó, nhu cầu chi cho con người chiếm

tỷ trọng lớn để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi cho giáo dục và đào tạo, y tế, đảm bảo an sinh xã hội,... Vì vậy, sẽ khó khăn trong việc nâng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển và giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên.

Thời tiết thường xuyên diễn ra khô hạn kéo dài, dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, địa phương phải bố trí nguồn lực để khắc phục đảm bảo cuộc sống cho người dân. Bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn. Thu NSNN trên địa bàn hụt thu so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2019, và dự kiến tiếp tục hụt thu năm 2020, do đó gặp khó khăn cân đối thu, chi NSNN.

Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong tăng chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, nguồn thu tiền sử dụng đất không bền vững vì quỹ đất giảm hàng năm sẽ ảnh hưởng đến việc tăng chi đầu tư phát triển của địa phương.

3. Dự kiến khung cân đối thu, chi NSNN 03 năm 2021-2023.

a) Về thu NSNN trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2021-2023 là 17.773 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 13,6%/năm, gồm:

- Tổng thu nội địa là 17.707,8 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 13,5%/năm.

- Tổng thu từ xuất nhập khẩu là 65,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,4% tổng thu NSNN trên địa bàn.

b) Về chi NSDP:

Tổng chi NSDP 03 năm 2021-2023 ước thực hiện 50.874,4 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 8,3%/năm, trong đó:

- Tổng chi đầu tư phát triển là 20.683,9 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 25,5%/năm.

- Tổng chi thường xuyên là 29.450,7 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 2%/năm.

c) Bội chi NSDP:

Dự kiến năm 2021 là 50,1 tỷ đồng (bằng số Bộ Tài chính dự kiến giao); năm 2022 là 332,836 tỷ đồng và năm 2023 là 381,611 tỷ đồng. Bội chi NSNN chi dùng cho chi đầu tư phát triển.

c) Về tỷ lệ đảm bảo tự cân đối ngân sách:

Đến năm 2020 mức đảm bảo cân đối là 35,2%, đến năm 2023 mức đảm bảo cân đối dự kiến đạt 47,2%.

d) Về cơ cấu chi NSDP:

Chi đầu tư phát triển thực hiện tăng dần qua các năm và chiếm tỷ trọng ngày càng tăng so tổng chi NSDP: Năm 2020 chiếm 74,1%, đến năm 2023 dự kiến chiếm 69%.

f) Tình hình vay, trả nợ của NSDP:

Ước thực hiện năm 2020 là 9,8%, đến năm 2023 dự kiến tỷ lệ dư nợ là 69%.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh về kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023./. *Thư*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính; KH&ĐT;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Tiến Đông
Đỗ Tiến Đông